

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP

(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-CĐCĐ ngày tháng năm 2015 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp)

- 1. Ngành đào tạo:** Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
- 2. Mã ngành:** 42620103
- 3. Thời gian đào tạo:** 2 năm
- 4. Đối tượng tuyển sinh:** Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương.
- 5. Khối lượng kiến thức toàn khóa tính bằng đơn vị học trình (ĐVHT):** 97 (ĐVHT)
- 6. Giới thiệu chương trình:**

**- Văn bằng sẽ được cấp khi tốt nghiệp:**

Sau khi tốt nghiệp người học được cấp bằng tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**- Những nhiệm vụ chính mà người tốt nghiệp có thể thực hiện được:**

Sau khi tốt nghiệp người học có thể áp dụng những kiến thức và kỹ năng đã học vào trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

**- Khái quát nội dung học tập (về lý thuyết, thực hành):**

Lý thuyết: 816 tiết

Thực hành: 1234 tiết

**- Những lợi ích mà chương trình mang lại cho người học về cơ hội việc làm, thu nhập, vị trí việc làm và cơ hội học tập nâng cao sau khi tốt nghiệp:**

+ *Cơ hội việc làm:* Sau khi tốt nghiệp người học có thể làm việc ở những trạm trại, công ty thuộc lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

+ *Cơ hội học tập nâng cao sau khi tốt nghiệp:* Sau khi tốt nghiệp người học có thể học liên thông lên cao đẳng, đại học chuyên ngành trồng trọt hoặc bảo vệ thực vật.

**7. Mục tiêu đào tạo:**

*a) Về kiến thức:*

- Có kiến thức căn bản về sinh lý thực vật, đất, phân bón, lai tạo và chọn giống cây trồng;

- Nhận biết được các yếu tố ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát triển của cây trồng: di truyền, thổ nhưỡng, côn trùng và bệnh cây;

- Có kiến thức về công tác khuyến nông, tổ chức trồng trọt và bảo vệ cây trồng.

*b) Về kỹ năng:*

- Thực hiện được nghiệp vụ chuyên môn: trồng trọt, lai tạo giống cây trồng, kỹ thuật thâm canh, bảo vệ thực vật...;

- Có khả năng thực hiện các phương pháp thí nghiệm đồng ruộng;
- Có khả năng thực hiện các quy trình sản xuất thuộc lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật.

*c) Thái độ nghề nghiệp:*

Có động cơ nghề nghiệp đúng đắn, có đức tính cần cù chịu khó và sáng tạo trong nghề nghiệp. Có tác phong nhanh nhẹn, khiêm tốn, trung thực trong hoạt động nghề nghiệp. Có ý thức vươn lên trong học tập, không ngừng đưa tiến bộ kỹ thuật mới vào lĩnh vực sản xuất của ngành nhằm tạo ra các sản phẩm có chất lượng, giá trị kinh tế cao cho xã hội.

## 8. Khung chương trình đào tạo

### 8.1. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo:

TT	Nội dung	Thời gian	
		Số tiết (số giờ)	ĐVHT
1	Các học phần chung	360	20
2	Các học phần cơ sở	540	28
3	Các học phần chuyên môn	580	30
4	Thực tập nghề nghiệp	240 (384 giờ)	8
5	Thực tập tốt nghiệp	330 (528 giờ)	11
<b>Tổng cộng</b>		<b>2050</b>	<b>97</b>

### 8.2 Các học phần của chương trình và thời lượng:

TT	Tên học phần	Số tiết (giờ)	Số ĐVHT	Số tiết		Học kỳ
				Lý thuyết	Thực hành, thực tập, thảo luận	
<b>I.</b>	<b>Các học phần chung</b>	<b>360</b>	<b>20</b>	<b>196</b>	<b>164</b>	
1	Giáo dục quốc phòng – An ninh	75	5	51	24	I
2	Giáo dục chính trị	75	5	55	20	I
3	Giáo dục thể chất	60	2	0	60	I
4	Tin học ứng dụng	90	4	30	60	I
5	Giáo dục pháp luật	30	2	30	0	I
6	Khởi tạo doanh nghiệp	30	2	30	0	II
7	Tiếng Anh	Chứng chỉ A (Tích lũy ngoài, không tính điểm trung bình)				
<b>II.</b>	<b>Các học phần cơ sở</b>	<b>540</b>	<b>28</b>	<b>300</b>	<b>240</b>	
8	Sinh lý thực vật	60	3	30	30	I
9	Giống cây trồng	60	3	30	30	I

10	Sinh thái nông nghiệp và phát triển bền vững	30	2	30	0	I
11	Đất và phân bón	75	4	45	30	II
12	Cơ khí nông nghiệp	30	2	30	0	II
13	Bệnh cây đại cương	60	3	30	30	II
14	Côn trùng đại cương	60	3	30	30	II
15	Thống kê và phương pháp thí nghiệm	60	3	30	30	III
16	Khuyến nông	45	2	15	30	III
17	Quản lý cỏ dại	60	3	30	30	III
<b>III.</b>	<b>Các học phần chuyên môn</b>	<b>580</b>	<b>30</b>	<b>320</b>	<b>260</b>	
18	Cây lương thực	60	3	30	30	II
19	Cây rau	60	3	30	30	II
20	Cây ăn trái	60	3	30	30	II
21	Cây hoa – cây cảnh	60	3	30	30	III
22	Cây công nghiệp	60	3	30	30	III
23	Hoá BVTV	60	3	30	30	III
24	Luật Bảo vệ môi trường & BVTV	30	2	30	0	IV
25	Côn trùng chuyên khoa	60	3	30	30	IV
26	Bệnh cây chuyên khoa	60	3	30	30	IV
27	Cây dược liệu	30	2	30	0	III
28	Động vật hại nông nghiệp	40	2	20	20	IV
<b>IV.</b>	<b>Thực tập nghề nghiệp</b>	<b>240 (384 giờ)</b>	<b>8</b>	<b>0</b>	<b>240 (384 giờ)</b>	
29	Thực tập kỹ năng trồng trọt 1	60 (96 giờ)	2	0	60 (96 giờ)	II
30	Thực tập kỹ năng bảo vệ thực vật 1	30 (48 giờ)	1	0	30 (48 giờ)	II
31	Thực tập kỹ năng trồng trọt 2	90 (144 giờ)	3	0	90 (144 giờ)	III
32	Thực tập kỹ năng bảo vệ thực vật 2	30 (48 giờ)	1	0	30 (48 giờ)	IV
33	Thực tập tại địa bàn sản xuất (đồng ruộng, trang trại)	30 (48 giờ)	1	0	30 (48 giờ)	IV
<b>V.</b>	<b>Thực tập tốt nghiệp</b>	<b>330 (528 giờ)</b>	<b>11</b>	<b>0</b>	<b>330 (528 giờ)</b>	IV
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2050</b>	<b>97</b>	<b>816</b>	<b>1234</b>	
<b>VI.</b>	<b>Thi tốt nghiệp</b>	<b>Hình thức thi</b>		<b>Thời gian làm bài thi</b>		
1	Giáo dục chính trị	Tự luận		120 phút		

2	Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp <i>(Côn trùng, bệnh cây, sinh lý thực vật, chọn tạo giống cây trồng)</i>	Trắc nghiệm	90 phút
3	Thực hành nghề nghiệp <i>(Nhận diện đối tượng gây hại cây trồng và biện pháp phòng trị, nhân giống vô tính ở cây)</i>		
		Vấn đáp	10-15 phút/ học sinh

Đồng Tháp, ngày      tháng      năm 2015

**HIỆU TRƯỞNG**

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP

(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-CĐCĐ ngày tháng năm 2015 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp)

- 1. Ngành đào tạo:** Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
- 2. Mã ngành:** 42620103
- 3. Thời gian đào tạo:** 3 năm
- 4. Đối tượng tuyển sinh:** Tốt nghiệp Trung học cơ sở
- 5. Khối lượng kiến thức toàn khóa tính bằng đơn vị học trình (ĐVHT):** 160 (ĐVHT)
- 6. Giới thiệu chương trình:**

**- Văn bằng sẽ được cấp khi tốt nghiệp:**

Sau khi tốt nghiệp người học được cấp bằng tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**- Những nhiệm vụ chính mà người tốt nghiệp có thể thực hiện được:**

Sau khi tốt nghiệp người học có thể áp dụng những kiến thức và kỹ năng đã học vào trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

**- Khái quát nội dung học tập (về lý thuyết, thực hành):**

Lý thuyết: 1828 tiết

Thực hành: 1302 tiết

**- Những lợi ích mà chương trình mang lại cho người học về cơ hội việc làm, thu nhập, vị trí việc làm và cơ hội học tập nâng cao sau khi tốt nghiệp:**

+ *Cơ hội việc làm:* Sau khi tốt nghiệp người học có thể làm việc ở những trạm trại, công ty thuộc lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

+ *Cơ hội học tập nâng cao sau khi tốt nghiệp:* Sau khi tốt nghiệp người học có thể học liên thông lên cao đẳng, đại học chuyên ngành trồng trọt hoặc bảo vệ thực vật.

**7. Mục tiêu đào tạo:**

*a) Về kiến thức:*

- Có kiến thức căn bản về sinh lý thực vật, đất, phân bón, lai tạo và chọn giống cây trồng;

- Nhận biết được các yếu tố ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát triển của cây trồng: di truyền, thổ nhưỡng, côn trùng và bệnh cây;

- Có kiến thức về công tác khuyến nông, tổ chức trồng trọt và bảo vệ cây trồng.

*b) Về kỹ năng:*

- Thực hiện được nghiệp vụ chuyên môn: trồng trọt, lai tạo giống cây trồng, kỹ thuật thâm canh, bảo vệ thực vật...;

- Có khả năng thực hiện các phương pháp thí nghiệm đồng ruộng;
- Có khả năng thực hiện các quy trình sản xuất thuộc lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật.

*c) Thái độ nghề nghiệp:*

Có động cơ nghề nghiệp đúng đắn, có đức tính cần cù chịu khó và sáng tạo trong nghề nghiệp. Có tác phong nhanh nhẹn, khiêm tốn, trung thực trong hoạt động nghề nghiệp. Có ý thức vươn lên trong học tập, không ngừng đưa tiến bộ kỹ thuật mới vào lĩnh vực sản xuất của ngành nhằm tạo ra các sản phẩm có chất lượng, giá trị kinh tế cao cho xã hội.

## 8. Khung chương trình đào tạo

### 8.1. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo:

TT	Nội dung	Thời gian	
		Số tiết (số giờ)	ĐVHT
1	Văn hóa phổ thông	1020	59
2	Các học phần chung	420	24
3	Các học phần cơ sở	540	28
4	Các học phần chuyên môn	580	30
5	Thực tập nghề nghiệp	240 (384 giờ)	8
6	Thực tập tốt nghiệp	330 (528 giờ)	11
<b>Tổng cộng</b>		<b>3130</b>	<b>160</b>

### 8.2 Các học phần của chương trình và kế hoạch giảng dạy

TT	Tên học phần	Số tiết (giờ)	Số ĐVHT	Số tiết		Học kỳ
				Lý thuyết	Thực hành, thực tập, thảo luận	
<b>I.</b>	<b>Văn hóa phổ thông</b>	<b>1020</b>	<b>59</b>	<b>979</b>	<b>41</b>	
1	Toán	360		360	0	
2	Lý	90		84	6	
3	Hóa	195		175	20	
4	Sinh	135		120	15	
5	Ngữ văn	240		240	0	
<b>II.</b>	<b>Các Học phần chung</b>	<b>420</b>	<b>24</b>	<b>229</b>	<b>191</b>	
1	Giáo dục quốc phòng – An ninh	120	8	74	46	I
2	Giáo dục chính trị	90	6	65	25	I

3	Giáo dục thể chất	60	2	0	60	I
4	Tin học ứng dụng	90	4	30	60	I
5	Giáo dục pháp luật	30	2	30	0	I
6	Khởi tạo doanh nghiệp	30	2	30	0	III
7	Tiếng Anh	Chứng chỉ A (Tích lũy ngoài, không tính điểm trung bình)				
<b>III.</b>	<b>Các học phần cơ sở</b>	<b>540</b>	<b>28</b>	<b>300</b>	<b>240</b>	
8	Sinh lý thực vật	60	3	30	30	I
9	Giống cây trồng	60	3	30	30	I
10	Sinh thái nông nghiệp và phát triển bền vững	30	2	30	0	I
11	Đất và phân bón	75	4	45	30	II
12	Cơ khí nông nghiệp	30	2	30	0	II
13	Bệnh cây đại cương	60	3	30	30	II
14	Côn trùng đại cương	60	3	30	30	II
15	Thống kê và phương pháp thí nghiệm	60	3	30	30	III
16	Khuyến nông	45	2	15	30	III
17	Quản lý cỏ dại	60	3	30	30	III
<b>IV.</b>	<b>Các học phần chuyên môn</b>	<b>580</b>	<b>30</b>	<b>320</b>	<b>260</b>	
18	Cây lương thực	60	3	30	30	II
19	Cây rau	60	3	30	30	II
20	Cây ăn trái	60	3	30	30	II
21	Cây hoa – cây cảnh	60	3	30	30	III
22	Cây công nghiệp	60	3	30	30	III
23	Hoá BVTV	60	3	30	30	III
24	Luật Bảo vệ môi trường & BVTV	30	2	30	0	IV
25	Côn trùng chuyên khoa	60	3	30	30	IV
26	Bệnh cây chuyên khoa	60	3	30	30	IV
27	Cây dược liệu	30	2	30	0	III
28	Động vật hại nông nghiệp	40	2	20	20	IV
<b>V.</b>	<b>Thực tập nghề nghiệp</b>	<b>240 (384 giờ)</b>	<b>8</b>	<b>0</b>	<b>240 (384 giờ)</b>	
29	Thực tập kỹ năng trồng trọt 1	60 (96 giờ)	2	0	60 (96 giờ)	II
30	Thực tập kỹ năng bảo vệ thực vật 1	30 (48 giờ)	1	0	30 (48 giờ)	II
31	Thực tập kỹ năng trồng trọt 2	90 (144 giờ)	3	0	90 (144 giờ)	III

32	Thực tập kỹ năng bảo vệ thực vật 2	30 (48 giờ)	1	0	30 (48 giờ)	IV
33	Thực tập tại địa bàn sản xuất (đồng ruộng, trang trại)	30 (48 giờ)	1	0	30 (48 giờ)	IV
<b>VI.</b>	<b>Thực tập tốt nghiệp</b>	<b>330 (528 giờ)</b>	<b>11</b>	<b>0</b>	<b>330 (528 giờ)</b>	IV
<b>Tổng số</b>		<b>3130</b>	<b>160</b>	<b>1828</b>	<b>1302</b>	
<b>VII.</b>	<b>Thi tốt nghiệp</b>	<b>Hình thức thi</b>		<b>Thời gian làm bài thi</b>		
<b>a).</b>	<b><u>Văn hóa</u></b>					
1	Toán	Tự luận		120 phút		
2	Hóa	Trắc nghiệm		60 phút		
3	Sinh	Trắc nghiệm		60 phút		
<b>b).</b>	<b><u>Chuyên ngành</u></b>					
1	Giáo dục chính trị	Tự luận		120 phút		
2	Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp <i>(Côn trùng, bệnh cây, sinh lý thực vật, chọn tạo giống cây trồng)</i>	Tự luận		120 phút		
3	Thực hành nghề nghiệp <i>(Nhận diện đối tượng gây hại cây trồng và biện pháp phòng trị, nhân giống vô tính ở cây)</i>	Vấn đáp		10-15 phút/ học sinh		

Đồng Tháp, ngày      tháng      năm 2015

**HIỆU TRƯỞNG**